

ACHIEVEMENTS IN POVERTY REDUCTION UP TO THE NEW STANDARD OF THAI NGUYEN PROVINCE IN THE PERIOD OF 2016-2020

Ngô Thị Quang^{1*}, Cao Thị Phương Nhung²

¹Le Hong Phong Officer Training School, Ha Noi City

²Vietnam Dance Academy

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	11/01/2022	The poverty reduction and solving the jobs of the citizens in Thai Nguyen is one of the important missions, urgent and big significant task about politic, economy – society and defense security. According to the National target program on sustainable poverty reduction for the period 2016 – 2020, the Provincial Party Committee focused on leading, mobilizing and enforcing the reduction of poverty in order to a high result of the multidimensional poverty line to make Thai Nguyen achieve the second province into 11 provinces, which has rapidly in poverty reduction in the North East area. This is the result of making a poverty reduction policy according to new standards – The multidimensional poverty line of the Party Committee and people of Thai Nguyen province. By the method of synthesis, data analysis and processing, this article shows several results, which reached in poverty reduction about the new standard in the period of 2016-2020 in Thai Nguyen province. Thereby, reflecting the correctness of the Government when changing the Poverty measurement method in Viet Nam, concurrently reflect on the efforts of poor households in Thai Nguyen. This research result contributes to better implementation of poverty reduction lots of years later in Thai Nguyen.
Revised:	12/5/2022	
Published:	12/5/2022	
KEYWORDS		
Outcomes		
Poverty reduction		
Multidimensional poverty		
Poverty line		
Sustainable		
Thai Nguyen		

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO THEO CHUẨN MỚI CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Ngô Thị Quang^{1*}, Cao Thị Phương Nhung²

¹Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội

²Học viện Múa Việt Nam

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 11/01/2022	Giảm nghèo và giải quyết việc làm cho nhân dân được tỉnh Thái Nguyên xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa to lớn cả về chính trị, kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng. Trên cơ sở chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh, chỉ đạo và huy động các nguồn lực để cụ thể hóa và thực thi chính sách giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đạt kết quả cao, đưa Thái Nguyên trở thành tỉnh đứng thứ 2 trong tổng số 11 tỉnh có tốc độ giảm nghèo nhanh ở vùng Đông Bắc. Đây là kết quả của việc thực hiện chủ trương giảm nghèo theo chuẩn mới – chuẩn nghèo đa chiều của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh. Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu, bài báo nêu lên một số kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo theo chuẩn mới ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020. Qua đó phản ánh sự đúng đắn của Chính phủ khi thay đổi phương pháp đo lường nghèo của Việt Nam, đồng thời thể hiện những nỗ lực vươn lên thoát nghèo của các hộ nghèo tại Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu này góp phần thực hiện tốt hơn công tác giảm nghèo ở Thái Nguyên trong những năm tới.
Ngày hoàn thiện: 12/5/2022	
Ngày đăng: 12/5/2022	
TỪ KHÓA	
Kết quả	
Giảm nghèo	
Nghèo đa chiều	
Chuẩn nghèo	
Bền vững	
Thái Nguyên	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5440>

* Corresponding author. Email: ngothiquang@tuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

“Đói nghèo là một rào cản lớn đối với sự phát triển con người ở phương diện cá nhân cũng như cộng đồng” [1] do đó giảm nghèo là một trong những chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước. Người nghèo thường “không có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội như việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, thông tin, ... và điều đó khiến cho họ ít có cơ hội thoát nghèo” [2]. Do vậy, mở rộng cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực cho người nghèo là phương thức tốt nhất để giảm nghèo bền vững. Qua nhiều thập niên, cách đo lường và đánh giá nghèo ở nước ta chủ yếu thông qua thu nhập. Tuy nhiên, chuẩn nghèo này của Việt Nam được đánh giá là thấp so với thế giới. Thực tế cho thấy sử dụng tiêu chí thu nhập để đo lường nghèo đói là không đầy đủ, “không phản ánh được đầy đủ các tính chất đa chiều của nghèo” [3], dẫn đến “thiếu công bằng trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo” [4]. Như vậy, đã đến lúc cần phải “xem xét, đánh giá nghèo từ góc độ đa chiều từ góc độ nghèo vật chất, nghèo về con người và nghèo về xã hội” [5]. Việc chuyển đổi phương pháp từ đơn chiều sang đa chiều là “phương pháp tiếp cận mới” [6] “không phải phủ định tác động của việc đo lường nghèo bằng thu nhập. Phương pháp đa chiều bổ sung để cùng với phương pháp đo lường thu nhập, giúp cho việc xác định đối tượng và giám sát đối tượng nghèo được hiệu quả hơn” [7]. Vì vậy, năm 2015, Chính phủ đã ban hành chuẩn nghèo mới – chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác giảm nghèo theo chuẩn đa chiều ở Việt Nam. Hầu hết những công trình đó đều đề cập đến một phần hay một khía cạnh nào đó của vấn đề nghiên cứu. Bài báo này tập trung làm rõ một số kết quả đạt được của Thái Nguyên trong việc thực hiện công tác giảm nghèo theo chuẩn đa chiều, đồng thời đề xuất một số giải pháp là cơ sở để thực hiện tốt hơn công tác giảm nghèo trong những năm tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính như phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh để nghiên cứu, đánh giá làm rõ những kết quả đạt được của tỉnh Thái Nguyên trong công tác giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khái niệm “chuẩn nghèo” và các tiêu chí đánh giá chuẩn nghèo

Chuẩn nghèo (hay ngưỡng nghèo, tiêu chí nghèo) là công cụ để phân biệt người nghèo và người không nghèo, là chuẩn mực tối thiểu cho một cá nhân đáp ứng được nhu cầu cơ bản của họ về lương thực thực phẩm và yếu tố phi lương thực thực phẩm. Những người được coi là người nghèo khi mức sống của họ được đo qua thu nhập thấp hơn một mức sống tối thiểu chấp nhận được, tức là thấp hơn chuẩn nghèo. Những người có thu nhập ở trên chuẩn này là người không nghèo hoặc đã vượt nghèo, thoát nghèo.

Chuẩn nghèo là một khái niệm “động”, thay đổi theo không gian và thời gian. Ở mỗi giai đoạn khác nhau căn cứ vào sự phát triển kinh tế - xã hội thì chuẩn nghèo lại khác nhau. Trước năm 2016, phương pháp đánh giá chuẩn nghèo ở Việt Nam là đánh giá thông qua mức độ nghèo về thu nhập hay còn gọi là nghèo đơn chiều.

Ngày 19/11 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, đánh dấu bước quan trọng trong quá trình chuyển đổi của Việt Nam từ đo lường nghèo đơn chiều sang đo lường đa chiều.

Theo đó, các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 gồm các tiêu chí về thu nhập, mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:

Với tiêu chí về thu nhập: chuẩn nghèo ở khu vực nông thôn là 700.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị là 900.000 đồng/người/tháng. Quy định chuẩn cận nghèo ở khu vực nông thôn là 1.000.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị là 1.300.000 đồng/người/tháng.

Về tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, “nghèo đa chiều được đo lường bằng mức độ thiếu hụt tiếp cận 5 dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm: y tế - giáo dục - nhà ở - nước sạch và vệ sinh - thông tin, được đo lường bằng 10 chỉ số cơ bản” [8]. Đó là: tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Theo chuẩn nghèo đa chiều, “hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Có thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/ tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Hộ nghèo khu vực thành thị là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống; Hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên” [9]. Việc sử dụng chuẩn nghèo quốc gia nêu trên không những cần thiết cho việc xây dựng các chính sách và chương trình giảm nghèo mà còn giúp Việt Nam theo dõi tiến độ trong việc thực hiện các mục tiêu bền vững của Liên hợp quốc.

Để nâng cao hiệu quả của chính sách, Quốc hội và Chính phủ đã gộp tất cả các chương trình xóa đói, giảm nghèo lại thành một chương trình là “Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020”. Trong đó bao gồm 5 dự án thành phần: Chương trình 30a (giảm nghèo nhanh và bền vững cho các huyện nghèo); Chương trình 135 (Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi); Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135; Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình.

Điểm khác biệt cơ bản giữa chuẩn nghèo đa chiều so với chuẩn nghèo giai đoạn trước là việc xác định chuẩn nghèo mới thay thế cho chuẩn nghèo cũ với các tiêu chí thoát nghèo cao hơn. Hộ được coi là nghèo đa chiều ngoài tiêu chí nghèo về mặt thu nhập còn phải đảm bảo sự thiếu hụt từ 3 trên 10 chỉ số trở lên. Với cách tiếp cận này “Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu trên thế giới trong việc áp dụng đo lường nghèo đa chiều” [10]. Như vậy, theo từng giai đoạn, chuẩn nghèo ở nước ta đã được điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn đó. Sự thay đổi của chuẩn nghèo theo từng giai đoạn chứng tỏ nền kinh tế - xã hội đất nước ngày một phát triển và đã bước đầu phát triển với tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời cũng chứng tỏ những thành công rất lớn của nước ta trong công tác xóa đói giảm nghèo sau hơn 30 năm tiến hành đổi mới đất nước. Việc áp dụng chuẩn nghèo mới đã làm cho “thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo cả nước cuối năm 2020 tăng lên 1,5 lần so với cuối năm 2015” [11] (riêng hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số tăng gấp 2 lần); người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, khó khăn có khả năng lao động được chú trọng hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề, có việc làm, hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt phù hợp với nhu cầu, nâng cao thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

3.2. Một số kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên thuộc vùng trung du miền núi phía Bắc, nằm trong quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội, có diện tích tự nhiên trên 3.500 km², dân số hiện nay trên 1,3 triệu người, có 9 đơn vị hành chính cấp huyện. Với vị trí thuận lợi về giao thông, là cửa ngõ giao lưu kinh tế - xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ; là điểm nút quan trọng kết nối với các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc; được thiên nhiên ưu đãi cho nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng với hàng trăm điểm mỏ, gồm nhiều loại khoáng sản như vonfram, than, sắt, titan, thiếc, chì, kẽm, vàng... Ngoài ra, Thái Nguyên còn là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của cả nước với nhiều trường Đại học và cao đẳng lớn. Vì vậy, trong những năm gần đây Thái

Nguyên đã thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước tạo nên sự thay đổi lớn về diện mạo.

Trên cơ sở, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX đã ban hành Nghị quyết xác định chỉ tiêu “giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 2% trở lên theo chuẩn mới” [12], địa bàn xã đặc biệt khó khăn giảm 3,5% trở lên. Quán triệt tinh thần chỉ đạo, các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của Trung ương và hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX, phát huy những kết quả đạt được ở giai đoạn 2011-2015, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch thực hiện: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng an toàn khu, vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; Chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “*Thái Nguyên chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”...; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sức mạnh toàn dân thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Ngoài các chính sách giảm nghèo chung, tỉnh đã xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù và các giải pháp để thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn như: Chính sách hỗ trợ người thuộc hộ cận nghèo, người thuộc hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản khác không thiếu hụt BHYT được hỗ trợ 100% kinh phí mua thẻ BHYT (trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%); hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo có đảng viên được nhận Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng trở lên; Dự án cấp điện tại 35 xóm, bản trên địa bàn huyện Võ Nhai và huyện Đồng Hỷ; Dự án cấp bách xóa 33 phòng học tạm trên địa bàn toàn tỉnh; tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc Mông sinh sống ở các xóm, bản đặc biệt khó khăn phát triển kinh tế, ổn định sản xuất và đời sống.

Với những chủ trương trên, công tác giảm nghèo ở Thái Nguyên đã huy động được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ Quốc và toàn thể nhân dân tham gia vào cuộc và đạt được nhiều kết quả quan trọng:

Một là, chỉ tiêu giảm nghèo toàn tỉnh và tại các xã đặc biệt khó khăn vượt so với kế hoạch đề ra. Tại thời điểm đầu tháng 1-2016, toàn tỉnh có 42.080 hộ nghèo trên tổng số 313.950 hộ trong toàn tỉnh, chiếm đến 13,4%; số hộ diện cận nghèo có 28.054 hộ, chiếm gần 9% trong tổng số hộ. Hộ nghèo chủ yếu tập trung ở vùng nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm đến trên 90% số hộ nghèo toàn tỉnh. Sau 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đã giảm nghèo được 10,58%, bình quân mỗi năm giảm 2,11%. Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh chỉ còn dưới 3%. Chuyển biến mạnh mẽ nhất là khu vực các xã vùng đặc biệt khó khăn. Đầu năm 2016, số hộ nghèo ở các xã này còn 19.909 hộ trên tổng số 58.159 hộ chiếm 34,23%, đến nay đã giảm xuống còn 6.980 hộ trên tổng số 59.214 hộ, chiếm khoảng 11,6% số hộ khu vực các xã vùng đặc biệt khó khăn, giảm bình quân mỗi năm 4,52%, vượt mục tiêu đề ra khi xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 là “giảm bình quân 3,5% mỗi năm...” [13]. Với những kết quả này, công tác giảm nghèo đã góp phần quan trọng đưa Thái Nguyên trở thành địa phương đạt tốc độ giảm nghèo nhanh và đứng thứ 2 trong 11 tỉnh miền núi vùng Đông Bắc.

Hai là, hỗ trợ sản xuất, đa dạng sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập của hộ nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo người dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn. Tỉnh Thái Nguyên đã triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất; khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để đưa sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh. Trong giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đã triển khai 472 dự án cho 39.860 hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào các dân tộc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, từng bước thay đổi tập quán sản xuất, từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững. Hỗ trợ cây con giống, hỗ trợ kỹ thuật, phân bón, máy móc giúp

nhân dân chủ động được các kỹ thuật chăm sóc để tăng năng suất lao động. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã hỗ trợ các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp vừa và nhỏ; có chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động... Đến hết năm 2019, “toàn tỉnh tạo việc làm cho 107.606 lao động, bình quân 21.521 nghìn lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh từ 58,1% cuối năm 2015 lên đến 68,6% cuối năm 2019” [13] tăng 10,05%. Đây là một trong những kết quả quan trọng góp phần nâng cao thu nhập cho người nghèo, giúp cho người nghèo vươn lên thoát nghèo, dần xóa đi tâm lý ỷ lại chính sách giảm nghèo.

Ba là, đầu tư kết cấu hạ tầng. Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đặc biệt là ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới. Toàn tỉnh đã đầu tư 457 công trình tại địa bàn các huyện, các xã, thôn, bản. Đến năm 2019, có 19 xã trong số 63 xã thuộc chương trình 135 chiếm 30,2% và 75 thôn trên tổng số 94 thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành chương trình mục tiêu 135. Là tỉnh đứng đầu toàn quốc trong tiêu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn. Cuối năm 2020 có 25/63 xã thuộc chương trình 135 chiếm 39,7% và 07/36 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 19,4%. Mạng lưới giao thông ngày càng được hoàn thiện và phát triển đồng bộ, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân, kết nối lưu thông hàng hóa, giao lưu văn hóa giữa các vùng trong tỉnh. Ngoài ra, tỉnh đã triển khai các dự án xóa “trắng điện” tại các xóm chưa có điện trên địa bàn huyện Võ Nhai, huyện Đồng Hỷ và thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo nhằm hỗ trợ một phần đời sống sinh hoạt của hộ nghèo. Tăng cường huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất cho trường học, lớp học, xóa các lớp học tạm; trang, thiết bị y tế, góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường trong toàn tỉnh. Tính đến hết năm 2020, toàn tỉnh đã cấp 1.642.242 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và người dân tộc thiểu số, đạt 98,5% tỷ lệ che phủ bảo hiểm y tế của toàn tỉnh. Giúp cho người nghèo, người dân tộc thiểu số được tiếp cận với những trang thiết bị y tế hiện đại góp phần giảm mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo.

Bốn là, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo. Tỉnh Thái Nguyên tập trung giải quyết cơ bản các thiếu hụt về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, thông tin, truyền thông cho các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1614/QĐ-TTg, ngày 15-9-2015, của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Đề án tổng thể “*Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020*”. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, tỷ lệ học sinh khá, giỏi năm học sau đều tăng so với năm học trước. Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tỉnh cơ bản đáp ứng được nhu cầu; chất lượng một số dịch vụ kỹ thuật cao từng bước được nâng lên. Thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm y tế, nhất là đối với người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. Từ năm 2016-2020 có 3.331 hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở. Đầu tư nước sạch và vệ sinh môi trường bằng nhiều nguồn vốn, đến hết năm 2020, có 95% số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ gia đình có hồ tiêu hợp vệ sinh tăng từ 67% năm 2016 lên 75% năm 2020.

Năm là, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo: Tỉnh Thái Nguyên quan tâm tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp. Trong 5 năm, toàn tỉnh đã tổ chức 18 lớp học tập huấn cho 1.038 cán bộ cấp huyện, cấp xã, xóm về công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135, chính sách dân tộc; 83 lớp với 7.441 người dân tộc thiểu số về mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi... Thông qua các lớp tập huấn, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo được nâng lên. Cán bộ làm công tác giảm nghèo tại các xã đã nắm được một số kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án, lập kế hoạch công tác giảm nghèo.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, những kết quả của công tác giảm nghèo đã đưa Thái Nguyên “từ một tỉnh nghèo, kinh tế chậm phát triển, đã vươn lên trở thành tỉnh có bước phát triển nhanh trong khu vực và cả nước” [6]. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả

đạt được, công tác giảm nghèo theo chuẩn mới của Thái Nguyên vẫn còn một số tồn tại như tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh vượt chỉ tiêu đề ra nhưng sự chênh lệch giữa khu vực thành thị và miền núi còn khá lớn. Tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực TP. Thái Nguyên, TP. Sông Công thấp hơn chiếm 0,68% và 1,47%, nhưng huyện Định Hóa chiếm đến 6,4%, huyện Võ Nhai chiếm trên 9,5%. Điều đó cho thấy tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của Thái Nguyên chủ yếu vẫn rơi vào nhóm dân tộc thiểu số. Ngoài ra, nghèo đa chiều trong khu vực đô thị cũng là một vấn đề đang được đặt ra ở Thái Nguyên.

Những hạn chế nêu trên chủ yếu là do số hộ nghèo của Thái Nguyên chủ yếu tập trung ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên việc triển khai thực hiện công tác giảm nghèo còn gặp nhiều khó khăn; dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt xảy ra cục bộ gây thiệt hại về cơ sở hạ tầng, sản xuất nông nghiệp và tài sản của một số hộ gia đình; giá cả một số mặt hàng nông sản tăng giảm thất thường nên ảnh hưởng tới sản xuất, thu nhập và đời sống nhân dân. Các văn bản quy định, hướng dẫn đối tượng và địa bàn đầu tư còn chậm, chưa kịp thời đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện các nội dung chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nói chung và các tiêu dự án thuộc chương trình 135 tại địa phương nói riêng. Quy trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt triển khai một số dự án còn phức tạp. Do đó, một số chỉ tiêu đề ra không đạt kết quả. Một số ngành, đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo tổ chức, thực hiện các chủ trương, giải pháp giảm nghèo. Sự phối hợp ở một số ngành, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện chưa thực sự hiệu quả. Nguồn lực cho công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm còn hạn chế, việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án trên địa bàn thực hiện chưa hiệu quả, nguồn ngân sách của một số địa phương còn thấp, việc huy động nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo còn hạn chế. Công tác kiểm tra việc thực hiện chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm tại một số huyện, xã thiếu thường xuyên, một bộ phận người dân và chính quyền địa phương còn tư tưởng ỷ lại, chưa muốn thoát nghèo để hưởng cơ chế, chính sách giảm nghèo.

Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trong những năm tới, nhất là xây dựng chương trình cho giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Thái Nguyên cần tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác giảm nghèo; thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá đúng ưu điểm, hạn chế, bất cập trong thực hiện chủ trương, chính sách về giảm nghèo để tìm ra các giải pháp hiệu quả; nhân rộng những mô hình hay trong công tác giảm nghèo. Lãnh đạo các ngành, đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh phối hợp thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo gắn với xây dựng nông thôn mới đồng bộ, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là việc làm thường xuyên của cả hệ thống chính trị.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo bền vững.

Thứ ba, về xác định đúng đối tượng hộ nghèo thụ hưởng các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội để đề xuất điều chỉnh, sửa đổi bổ sung một số chiều chỉ số tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho phù hợp. Nên bổ sung các chỉ tiêu cơ bản theo từng chiều nghèo, như bổ sung chỉ số việc làm, bảo hiểm xã hội để phản ánh thu nhập và an ninh cuộc sống của người dân trước những rủi ro trong cuộc sống, đồng thời cũng là cơ sở để phân loại đối tượng hộ nghèo giai đoạn tới để có các giải pháp tác động phù hợp, làm cơ sở để điều phối chính sách giảm nghèo thật sự theo đa chiều.

Thứ tư, về ban hành chính sách: Cần phải thực hiện triệt để nguyên tắc khi ban hành cơ chế chính sách theo hướng giảm hỗ trợ cho không, tăng chính sách cho vay có điều kiện, có hoàn trả, đồng thời cần tăng nguồn lực cho hệ thống chính sách hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Thứ năm, tiếp tục tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư cho địa bàn miền núi, vùng dân tộc thiểu số cả về chính sách hỗ trợ người dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch vệ sinh và thông tin và đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là đường giao thông, điện lưới để kết nối với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển, nhằm tạo điều kiện phát triển toàn diện cho địa bàn miền núi, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về đời sống giữa miền núi và thành thị.

4. Kết luận

Trong những năm qua, với sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tỉnh Thái Nguyên đã đạt được rất nhiều kết quả to lớn trong công tác giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo trên toàn tỉnh giảm bình quân 2%/năm, vượt so với chỉ tiêu đề ra. Đời sống nhân dân trong toàn tỉnh được cải thiện rõ rệt đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số khu vực miền núi. Người nghèo đã được cải thiện một bước về điều kiện sống, tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng cho phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập. Một số nhu cầu xã hội thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin...).

Với sự đoàn kết sáng tạo, công tác giảm nghèo đa chiều của tỉnh Thái Nguyên đã mang lại những thành công góp phần giữ vững ổn định chính trị, kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Những thành quả mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thái Nguyên đạt được qua 5 năm thực hiện chương trình giảm nghèo theo chuẩn mới đã khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự điều hành linh hoạt, chủ động của chính quyền và ý chí vươn lên thoát nghèo của người dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Đây chính là cơ sở để Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện thắng lợi những mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2022-2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] N. A. Dang, "Multidimensional poverty in VietNam: some issues policy and practice," *Vietnam Academy of Social Sciences*, 2015. [Online]. Available: <https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/ngheo-da-chieu-o-viet-nam-mot-so-van-de-chinh-sach-va-thuc-tien-21>. [Accessed Nov. 13, 2015].
- [2] H. T. T. Tran and V. M. Duong, "Multidimensional poverty situation in Son La province," *Science Journal Social science*, no. 21, pp. 79-88, December 2020.
- [3] H. L. Dang and T. H. T. Nguyen, "Assessing multidimension poverty based on the sustainable livelihood framework: a case study of Hang Kia and Pa Co communes, Mai Chau district, Hoa Binh province," *Scientific Journal of Vietnam National University, Ha Noi*, vol. 33, no. 4, pp. 51-62, 2017.
- [4] T. T. Ngo, "Advance the measurement approach multidimensional poverty in Vietnam," 2014. [Online]. Available: <http://www.molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=20720>. [Accessed Apr. 05, 2014].
- [5] N. S. Nguyen, "The poverty reduction policy in our country: Real situation and perfect orientation," *Economic and Development Journal*, no. 181, pp. 19-26, 2012.
- [6] T. T. L. Le and T. B. Nguyen, "Factors affecting multi-dimensional poverty in Vietnam," *Science Journal Ho Chi Minh City Open university*, vol. 13, no. 2, pp. 47-56, 2018.
- [7] T. N. Trinh, "Current multidimensional poverty index of Thai Nguyen: some issues to be studied," *Journal of Sociology*, vol. 3, no. 135, pp. 61-66, 2016.
- [8] Government, *Decision No. 59/2015/QĐ-TTg on promulgating multi-dimensional approach poverty line for the period 2016-2020*, 2015.
- [9] Communist Party of Vietnam, *Party Committee of Thai Nguyen Province, Document of the 19th Provincial Party Congress, term 2015-2020*, 2015.
- [10] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Report on the implementation results of the sustainable poverty reduction program in Thai Nguyen province in the period 2016-2020*, 2020.
- [11] D. To, "National target program on sustainable poverty reduction for the period of 2011 -2020 and strategic orientations for the period of 2021 – 2025," (in Vietnamese), *Journal of ethnic minorities research*, vol. 10, no. 4, pp. 2-7, 2021.
- [12] T. H. H. Pham, "Poverty reduction and sustainable development in Vietnam," *Scientific Journal Sao Do university*, vol. 1, no. 72, pp. 83-90, 2021.
- [13] UNDP Viet Nam, *Multidimensional Poverty Report in Vietnam: Reducing poverty in all its dimensions to ensure a quality of life for all*, 2018.